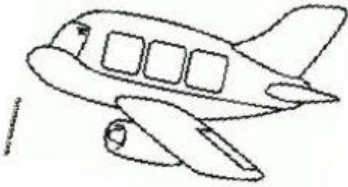


# Vehicles 2

## I. Vocabulary ( từ vựng )



Airplane: Máy bay



Scooter: xe chòi chân



Motorcycle: xe máy



ambulance: xe cứu thương

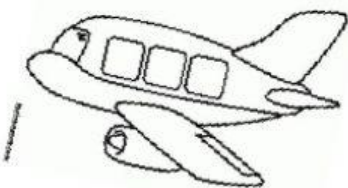


Truck: xe tải



Rocket: tên lửa

## II. Structures ( cấu trúc )



What is this?



This is an airplane.



What is this?



This is a scooter



What is this?



This is a motorcycle.



What is this?



This is an ambulance



What is this?



This is a truck



What is this?



This is a rocket

### III.Exercise

#### A. Read and match



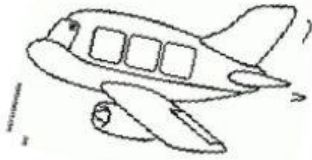
scooter



airplane



ambulance



motobicycle



rocket



truck

#### B. Listen and circle( nghe và khoanh đáp án đúng )

|                           |  |  |  |
|---------------------------|--|--|--|
| <br>This is a truck       |  |  |  |
| <br>This is a scooter     |  |  |  |
| <br>This is a motobicycle |  |  |  |
| <br>This is a ambulance   |  |  |  |